

Kế Sách, ngày 19 tháng 01 năm 2021.

Số: **20/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 520/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc E, sinh ngày 01/01/1984.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Ngọc E và ông Nguyễn Thành S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Bà Lê Thị Ngọc E và ông Nguyễn Thành S đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Lê Thị Ngọc E và ông Nguyễn Thành S thống nhất với nhau có 02 con chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 13/10/2001 và cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 12/9/2009, hiện nay cháu L đang sống chung với bà E. Nguyễn Trúc M, sinh ngày 13/10/2001 đã trưởng thành tự lo cho bản thân. Bà Lê Thị Ngọc E và ông Nguyễn Thành S thống nhất thoả thuận giao cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 12/9/2009, hiện nay cháu L đang sống chung với bà E, cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của cháu L. Bà E tự khai không yêu cầu

ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên ông S không cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Trúc M, sinh ngày 13/10/2001 đã trưởng thành tự lo cho bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Lê Thị Ngọc E tự nguyện nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Bà E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số **0048623** ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành Phố D, tỉnh Bình Dương. Như vậy, bà E được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện thành Phố D, tỉnh Bình Dương. Ông S không chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kế Sách;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- PKTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- **UBND xã N, huyện K;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình